

Số : 01 /2018/NTW-CBTT

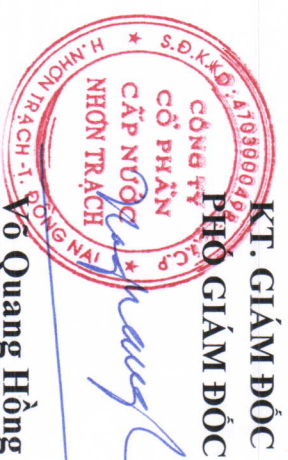
Nhơn Trạch, Ngày 05 tháng 02 năm 2018

**BẢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM - THÁNG 01/2018**

- Tổng số mẫu xét nghiệm (Lý hóa và vi sinh) : 42 mẫu
- Tổng số mẫu đạt quy chuẩn : 42 mẫu
- Tổng số chỉ tiêu xét nghiệm : 15 chỉ tiêu (giám sát A)
- Tổng số chỉ tiêu đạt quy chuẩn : 15 chỉ tiêu
- Các chỉ tiêu không đạt : 00 chỉ tiêu

KHU VỰC LẤY MẪU	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP	SỐ MẪU/THÁNG		KẾT QUẢ LÝ HÓA		KẾT QUẢ VI SINH		CÁC CHỈ TIÊU KHÔNG ĐẠT
		Lý Hóa	Vi sinh	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
1. Khu vực: Khu công nghiệp, khu dân cư và Trung tâm huyện Nhơn Trạch - Đồng Nai	- Phân xưởng nước Nhơn Trạch	09	09	09	0	09	0	0
2. Khu vực: Khu dân cư xã Đại Phước, Phú Hữu và xã Phú Đông huyện Nhơn Trạch - Đồng Nai	- Trạm bơm nước Đại Phước	12	12	12	0	12	0	0
Cộng		21	21	21	0	21	0	0
Tỷ lệ %		x	x	100%	0	100%	0	0

- **Kết luận:** Chất lượng nước tại nhà máy, trạm cấp nước và trên mạng lưới cấp nước đạt tiêu chuẩn và nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.  
Trần trọng.



Số: 0079 / KQ.XIV



## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00079.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 09/01/2018  
Ngày trả kết quả : 23/01/2018  
Địa điểm lấy mẫu : Bưu Điện Phú Hữu

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,09	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,75 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	36,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,16 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	0,73 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	127,58 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,09 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	7,86 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

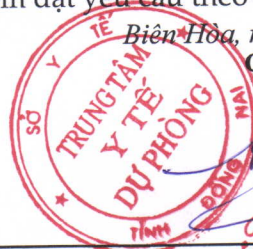
(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

*Phạm Minh Tiến*



Biên Hòa, ngày 17 tháng 01 năm 2018  
GIÁM ĐỐC

*Bách Thái Bình*

Số: 0078/K&XN



## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00078.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 09/01/2018  
Ngày trả kết quả : 23/01/2018  
Địa điểm lấy mẫu : Số nhà 68, Đại Phước

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,14	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,89 NTU	≤ 2 NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	39,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,16 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	0,85 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	122,32 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,07 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,05 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	6,93 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

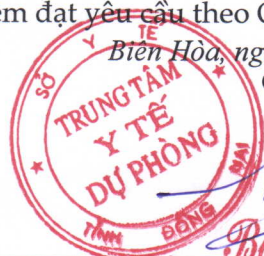
(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



GIÁM ĐỐC

Bạch Hải Bình

Số: 0077/KAXN



## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00077.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 09/01/2018  
Ngày trả kết quả : 23/01/2018  
Địa điểm lấy mẫu : Trạm bơm Đại Phước

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,53	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,49 NTU	≤ 2 NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	30,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,16 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	0,01 mg/l	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	0,75 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	100,73 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,07 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,04 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	7,02 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

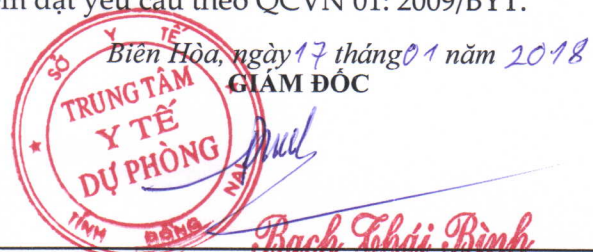
(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 0076/K&XN



## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00076.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 09/01/2018  
Ngày trả kết quả : 23/01/2018  
Địa điểm lấy mẫu : Bưu điện Huyện

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	6,86	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,45 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	22,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,16 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	0,77 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	7,02 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,86 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

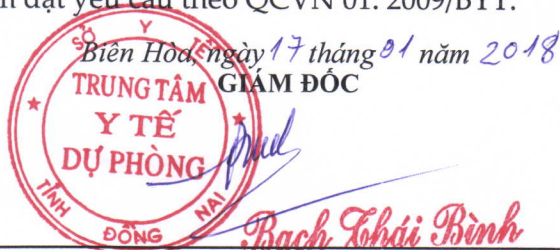
(\* ) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 8075/KAXN



## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00075.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phân Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 09/01/2018  
Ngày trả kết quả : 23/01/2018  
Địa điểm lấy mẫu : Ngã tư Tín Nghĩa

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	6,97	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,54 NTU	≤ 2 NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	22,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	Không phát hiện	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	0,79 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	6,84 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,97 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

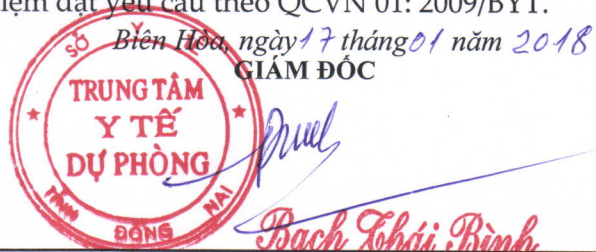
(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến



Số: 0074/KQXN



## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00074.18



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhon Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhon Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 09/01/2018  
Ngày trả kết quả : 23/01/2018  
Địa điểm lấy mẫu : Bể chứa

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	6,94	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2008	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,73 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	22,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,16 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	0,04 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	6,32 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,13 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	5,33 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,40 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(\* ) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Minh Tiến

